**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THƯỜNG GẶP TRONG PHẦN THI NGHE TẢ TRANH CỦA BÀI THI TRÌNH ĐỘ B1 CAMBRIDGE**

***ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng***

***BM Biên Phiên dich***

**TÓM TẮT**

*Bài nghiên cứu tìm ra một số đặc điểm ngôn ngữ thường gặp trong phần thi nghe tả tranh bài thi nghe Tiếng Anh quốc tế trình độ B1 của Cambridge. Bài thi này được áp dụng để đánh giá trình độ kỹ năng nghe cho sinh viên, không chuyên và học viên cao học trường Đại học Nha Trang. Kết quả nghiên cứu là: đặc điểm câu hỏi với đại từ nghi vấn sử dụng trong bài thi, các thành tố được sử dụng trong câu hỏi, cách sử dụng từ vựng, và đặc điểm câu trả lời lựa chọn . Kết quả nghiên cứu sẽ giúp cho sinh viên, học viên muốn thi nghe trình độ B1 Cambridge làm bài thi dễ dàng hơn và đạt kết quả cao hơn.*

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ, chúng ta phải tiến hành nghiên cứu và thực hiện nhiều hoạt động bao gồm : chương trình giảng dạy, tài liệu giảng dạy, kiểm tra đánh giá, phương pháp giảng dạy, cơ chế chính sách và cơ sở vật chất, tuy nhiên phạm vi nghiên của đề tài này là khảo sát bài thi nghe Tiếng Anh quốc tế của Cambridge.

1. **KHẢO SÁT PHẦN THI NGHE TẢ TRANH B1 VÀ ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THƯỜNG GẶP TRONG PHẦN THI**

Phần nghe tả tranh gồm có 7 câu hỏi. Mỗi câu hỏi thí sinh phải nghe một đoạn hội thoại nói về một trong 3 bức tranh và trả lời câu hỏi. Thí sinh phải chọn bức tranh đúng nhất để trả lời câu hỏi. Chúng tôi nghiên cứu 20 đề thi nghe của phần I và nhận thấy rằng : tất cả các câu hỏi nghe của phần 1 đều là câu hỏi có đại từ nghi vấn tuy nhiên các câu hỏi chủ yếu là các câu hỏi với đại từ nghi vấn “what”, “which”, “where”,thỉnh thoảng mới có câu hỏi với How, và đặc biệt rất ít câu hỏi với “ When”. Theo khảo sát chúng tôi đã có kết quả như sau :

Câu hỏi “ What” chiếm tỷ lệ 40%, câu hỏi Which chiếm 25%, câu hỏi Where chiếm 19,5 %, câu hỏi How chiếm 11% còn câu hỏi với When là 3,5 %.

**Bảng số 1: Tỷ lệ % đại từ nghi vấn sử dụng trong câu hỏi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Question words** | **Percentage** |
| What | 41% |
| Which | 25% |
| Where | 19.5% |
| How | 11% |
| When | 3,5% |
| Total | 100% |

Bảng 1 giúp chúng ta thấy được câu hỏi với “ What ” được sử dụng nhiều nhất trong phần I của đề thi và ba lọai câu hỏi hay dùng trong phần I đó là:

**1. What (Object) + V (auxiliary) + Subject + V (main verb)?**

**2. What (Object) + V (auxiliary) + Subject + V (main verb in Present Continuous Tense)?**

**3. What (Subject) + V?**

Khảo sát 3 ví dụ trong cuốn PET 2 and PET 3 minh họa điều này

*(1) What will Chris get for his birthday?*

*(2) What is Sarah’s mother doing?*

*(3) What was in the woman’s bag?*

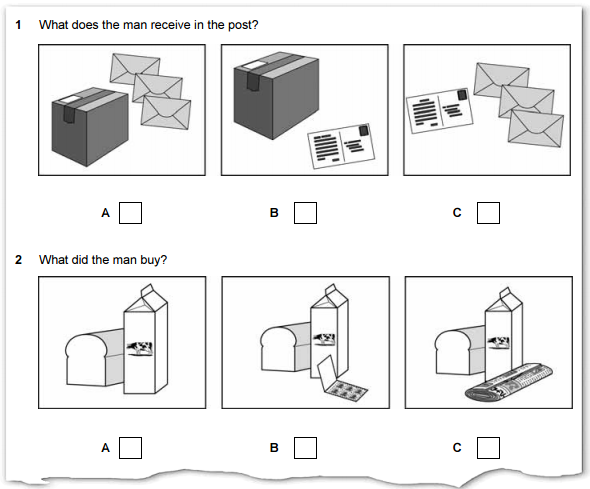
Khi biết những đặc điểm câu hỏi, thí sinh làm bài nên áp dụng các kỹ thuật sau đây sẽ giúp thí sinh làm bài phần một của bài nghe tốt hơn:

Bước 1. Đọc câu hỏi thật kỹ để xác định họ hỏi gì : đồ vật, con người, hành động, trạng thái...

Bước 2. Thí sinh nhìn vào 3 bức tranh và nhớ các đồ vật hoặc người của 3 bức tranh,

Bước 3. Tìm sự khác nhau của 3 bức tranh và sự khác nhau này giúp cho thí sinh chọn được câu trả lời.

.**Khảo sát ví dụ 1 minh họa cho cấu trúc 1**



*(from B1 Test)*

Bước 1. Đọc câu hỏi thật kỹ và xác định câu hỏi này là hỏi về đồ vật,

Bước 2. Nhìn 3 bức tranh chúng ta biết các đồ vật trong tranh : một hộp giấy ( a box) một tấm bưu thiếp, 3 phong bì ,

Bước 3. Tìm sự khác nhau và giống nhau

Sự khác nhau của 3 bức tranh đó là : tranh A có 3 phong bì và hộp, tranh B là hộp và bưu thiếp, tranh C là bưu thiếp và phong bì. Vậy 3 bức tranh này đều có điểm giống nhau và khác nhau. Chính sự khác nhau sẽ giúp cho chúng ta phân biệt họ đang nói về bức tranh nào.

**Khảo sát ví dụ thứ 2 minh họa cho cấu trúc 2**

*5. What is Sarah’s mother doing?*



*(From B1 Test)*

Bước 1. Đọc kỹ câu hỏi và xác định câu hỏi này hỏi về hành động,

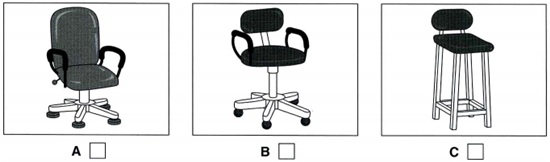
Bước 2. Nhìn 3 bức tranh và nhớ 3 hành động trong 3 bức tranh : A. wash clothes, B. clean face, C. wash up,

Bước 3. Sự khác nhau của 3 bức tranh đó là các động từ sử dụng khác nhau hoặc các danh từ khác nhau như *clothes, face, dishes* sẽ giúp cho thí sinh chọn được câu trả lời.

Một đặc điểm trong câu hỏi này là hỏi về hành động vậy động từ luôn ở thì hiện tại tiếp diễn.

**Khảo sát ví dụ 3 minh họa cho câu trúc số 3**

*2. Which chair does the man want?*



*(from B1 Test)*

Cấu trúc này là lọai câu hỏi với đại từ nghi vấn “Which..?............” Loại câu hỏi với Which chiếm tỷ lệ 25% trong các câu hỏi của bài thi và lọai câu này rất hay sử dụng cho lọai câu trả lời có nhiều lựa chọn. Trong ví du này 3 bức tranh đều có điểm giống nhau là minh họa một đồ vật là “ Chair ” ( Ghế ), tuy nhiên 3 ghế này khác nhau. Thí sinh quan sát nhanh tìm ra sự khác nhau bằng Tiếng Anh và sự khác nhau này sẽ giúp cho thí sinh có được câu trả lời đúng.

Ngoài ra, đối với lọai câu hỏi với “ Which” thí sinh nên tìm thành phần cú pháp trong câu để dễ phán đoán và suy luận câu trả lời. Những ví dụ sau sẽ minh họa thêm về đặc điểm ngôn ngữ của câu hỏi với Which.

*(7) Which picture shows what the girls need?*

*S (chủ ngữ) V (Vị ngữ) O (tân ngữ)*

*(8) Which photograph does the man like?*

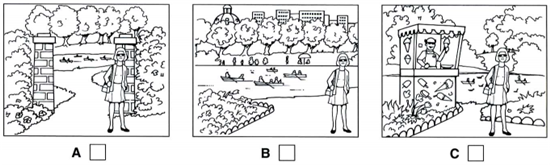
*O (Tân ngữ) S (chủ ngữ) V (vị ngữ)*

*(9) Which is Gary’s room?*

*S (chủ ngữ) V (Vị ngữ)*

Khảo sát loại câu hỏi với đại từ nghi vấn “ Where ” sẽ giúp cho thi sinh dễ tìm ra câu trả lời nếu làm theo 3 bước đã nêu trong đó chú ý nhất là sự khác nhau giữa các bức tranh.

*1. Where will the girls meet?*



*(from B1 Test)*

*(11) Where is the station?*

*A (trạng ngữ chỉ địa điểm) V (vị ngữ) S (chủ ngữ)*

*(12) Where did the woman put the calculator?*

*A (trạng ngữ chỉ địa điểm) S (chủ ngữ) V (vị ngữ) O (bổ ngữ)*

Các nghiên cứu trên sẽ giúp chothí sinh ôn luyện thêm về ngữ pháp tiếng Anh, và các kỹ thuật làm bài thi.

1. **KẾT LUẬN**

Chúng tôi hy vọng kết quả nghiên cứu trên giúp cho giáo viên Tiếng Anh có nhiều thông tin về đặc điểm ngôn ngữ bài thi nghe B1 quốc tế Cambridge, và đồng thời giúp cho thí sinh có kỹ năng và kỹ thuật làm bài thi nghe B1 quốc tế Cambridge đạt kết quả cao nhất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1**.** Brown G và Yule G,1983, *Phân tích diễn ngôn, Cambridge*. NXB Đại học Cambridge.

2. *Cambridge Preliminary English Test 2*- Examination papers from university of Cambridge ESOL examinations, Cambridge books for Cambridge exams, Cambridge University Press, 2003”

3. *Cambridge Preliminary English Test 3*- Examination papers from university of Cambridge ESOL examinations, Cambridge books for Cambridge exams, Cambridge University Press, 2003”

4. Haliday M.A.K và R.Hasan, 1976, *Liên kết trong tiếng Anh*, Luân đôn. NXB Longman.

5. Phạm Thị Tuyết Hương, Phạm Thị Thu Trang, 2015, “*Đặc điểm ngôn ngữ thường gặp trong phần đọc hiểu của đề thi B1-Một số gợi ý cho việc tự học của sinh viên”*